Phụ lục I

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ (2026 - 2030)

(Kèm theo Kế hoạch số 5257/KH-SGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Sở GDĐT)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	2026	2027	2028	2029	2030
1	Ban hành kế hoạch triển khai Đề án. Rà soát, đề xuất danh mục đầu tư thí điểm giáo dục số tại một số đơn vị.	Sở GDĐT	x				
2	Khảo sát hiện trạng hạ tầng CNTT toàn ngành	Sở GDĐT	x				
3	Xây dựng kiến trúc tổng thể giáo dục số	Sở GDĐT	x	x			
4	Phát triển kho học liệu số dùng chung	Sở GDĐT		x	x	x	
5	Xây dựng ngân hàng câu hỏi trực tuyến	Sở GDĐT			x	x	
6	Triển khai dạy học kết hợp (Blended Learning)	Sở GDĐT			x	x	x
7	Thí điểm ứng dụng AI trong dạy học	Sở GDĐT			x	x	
8	Mở rộng ứng dụng AI trong quản lý giáo dục	Sở GDĐT				x	x
9	Phát triển các câu lạc bộ STEM, Robotics	Sở GDĐT		x	x	x	
10	Đánh giá mức độ chuyển đổi số các trường học	Sở GDĐT	x	x	x	x	x
11	Tổng kết, đánh giá Đề án	Sở GDĐT					

Phụ lục II

TỔNG KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

(Kèm theo Kế hoạch số 5257/KH-SGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Sở GDĐT)

1. Tổng kinh phí dự kiến

Tổng kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2026 - 2030 dự kiến khoảng: **43 tỷ đồng**.

(Cơ sở khái toán: trên cơ sở đánh giá thực trạng hạ tầng số, nhu cầu trang bị thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực và lộ trình triển khai theo hướng thí điểm tại một số đơn vị trước, sau đó nhân rộng; đã được điều chỉnh giảm nhu cầu chi cho hoạt động kiểm tra, đánh giá phù hợp với tình hình thực tế)

2. Cơ cấu nguồn vốn

TT	Nguồn kinh phí	Số tiền (tỷ đồng)
1	Ngân sách tỉnh (chi thường xuyên và chi đầu tư)	43
Tổng cộng		**43**

3. Phân bổ kinh phí theo nhóm nhiệm vụ

TT	Nhóm nhiệm vụ	Kinh phí (tỷ đồng)
1	Học liệu số và nền tảng	**33**
2	Quản lý, kiểm tra, đánh giá	**10**
Tổng		**43**

4. Chi tiết các khoản kinh phí trong từng nhóm

4.1. Nhóm Học liệu số và nền tảng (33 tỷ)

Hạng mục	Số lượng	Đơn giá (triệu)	Thành tiền (tỷ)	Ghi chú
Sản xuất video bài giảng	2000 video	5	10	
Bài giảng tương tác HTML5	100 bài	80	8	
Mô phỏng 3D, VR/AR	30 học liệu	100	3	
Ngân hàng câu hỏi trực tuyến (50.000 câu)	1 hệ thống	8.000	8	

Hạng mục	Số lượng	Đơn giá (triệu)	Thành tiền (tỷ)	Ghi chú
Kho học liệu dùng chung (hosting, CDN)	5 năm	0,8/năm	4	
Tổng			**33**	

4.2. Nhóm Quản lý, kiểm tra, đánh giá (10 tỷ)

Hạng mục	Thành tiền (tỷ)
Xây dựng bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số	1
Khảo sát định kỳ (hàng năm, 200 trường)	2
Tổ chức kiểm tra thực tế tại trường (5 đoàn x 2 đợt/năm)	3
Báo cáo, hội nghị tổng kết (năm 2026, 2028, 2030)	2
Thi đua, khen thưởng đơn vị, cá nhân xuất sắc	2
Tổng	**10**